

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T1
TỈNH T2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ- ST

Ngày: 24/01/2025

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1 - TỈNH T2**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đồng Ngọc Huyền

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Mã Siêu.

2. Bà Tô Thị Hương

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1 tham gia phiên tòa:* bà Mai Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 172/2024/TLST- HNGĐ ngày 04/11/2024 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2024/QĐXX- ST ngày 12/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2024 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Võ Thị H1**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Xóm 4, xã DT, huyện DC, tỉnh N.

2. *Bị đơn:* Anh **Bùi Văn S1**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn PL, xã NH, huyện T1, tỉnh T2.

(Chị H1 vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh S1 vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Võ Thị H1 trình bày: Chị H1 và anh S1 kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NH, huyện T1, tỉnh T2 ngày 23/02/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp. Kể từ tháng 12 năm 2022 chị H1 và anh S1 sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị H1 đề nghị Tòa án nhân dân huyện T1 giải quyết cho chị được ly hôn với anh S1.

Về con chung: Chị H1 và anh S1 không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Bùi Văn S1 vắng mặt tại phiên tòa và không có lời khai.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/11/2024 tại thôn PL, xã NH, huyện T1; bà Đỗ Thị T, mẹ anh S1 trình bày nội dung: Anh S1 và chị H1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã NH, huyện T1, tỉnh T2. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau một thời gian thì mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp. Chị H1 và anh S1 hiện tại đã sống ly thân. Chị H1 và anh S1 không có con chung, không có tài sản, nợ chung. Nay chị H1 làm đơn xin ly hôn thì quan điểm của bà là nếu vợ chồng anh S1, chị H1 không ở được với nhau thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Anh S1 hiện đi làm ăn ở tỉnh ngoài, địa chỉ làm việc của anh S1 thì bà không nắm được cụ thể. Thi thoảng gia đình có công việc thì anh S1 vẫn về địa phương. Bà nhận văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết thông báo cho anh S1 biết.

Tại biên bản xác minh ngày 18/11/2024, Ủy ban nhân xã NH cung cấp như sau: Chị H1 và anh S1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 23/2/2022 tại UBND xã NH. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống với nhau tại địa phương một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay hai vợ chồng đã ly thân. Về con chung: Vợ chồng chị H1, anh S1 không có con chung. Về tài sản chung của chị H1, anh S1 thì chính quyền địa phương không nắm được cụ thể. Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tổng đạt đầy đủ, đúng thời hạn cho các đương sự. Đối với nguyên đơn chấp hành chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và không tham gia phiên tòa.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Võ Thị H1 được ly hôn với anh Bùi Văn S1; Về con chung: Không có, không đặt ra giải quyết; Về tài sản, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Võ Thị H1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Bùi Văn S1 có hộ khẩu thường trú tại xã NH, huyện T1, tỉnh T2. Theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa chị Võ Thị H1 và anh Bùi Văn S1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T1. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Võ Thị H1 và anh Bùi Văn S1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NH, huyện T1, tỉnh T2 ngày 23/2/2022. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Đó là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống. Từ tháng 12 năm 2022 cho đến nay chị H1 và anh S1 sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, chị H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh S1. Bị đơn là anh S1 đã được Tòa án giao, gửi Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh S1 không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của anh về việc chị H1 xin ly hôn anh. Mặt khác anh S1 và chị H1 hiện tại không chung sống cùng nhau, quan hệ vợ chồng không còn tồn tại trên thực tế. Như vậy, hôn nhân của anh S1 và chị H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H1, giải quyết cho chị H1 được ly hôn với anh S1 là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. *Về con chung:* Chị H1 và anh S1 không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[2.3]. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không giải quyết.

[2.4]. *Về án phí:* Chị Võ Thị H1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5]. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5, điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1/ **Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Võ Thị H1 được ly hôn với anh Bùi Văn S1

2/ **Về con chung:** Không có, không đặt ra giải quyết.

3/ **Về tài sản chung, công nợ:** Không đặt ra giải quyết.

4/ **Về án phí:** Chị Võ Thị H1 phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) chị H1 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T1 theo biên lai thu số 0002813 ngày 04/11/2024. Chị H1 đã nộp đủ án phí.

5/ **Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/01/2025).

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Các đương sự;
- UBND xã NH;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đồng Ngọc Huyền